Tạo cơ sở dữ liệu student\_management và tạo các bảng có các thông tin như sau:

* Bảng students có các trường là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên trường | Kiểu dữ liệu | Ràng buộc | Ghi chú |
| Id | Int | Auto increament  Primary key | Mã học viên |
| Name | Varchar(50) | Not null | Tên học viên |
| Address | Varchar(50) | Not null | Địa chỉ |
| Sex | Int | Default mặc định là 1  Not null | Giới tính trong đó  1 là nam  0 là nữ |
| Age | Int | Not null  check | Tuổi học viên không được để trống và trong khoảng 18 đến 25 |
| Email | Varchar(50) | Not null  Unique | Địa chỉ email |
| Phone | Varchar(10) | Not null | Số điện thoại |

* Bảng classes có các trường là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên trường | Kiểu dữ liệu | Ràng buộc | Ghi chú |
| Id | Int | Auto increament  Primary key | Mã học viên |
| Name | Varchar(50) | Not null  unique | Tên lớp |

1. Tạo bảng students với các mô tả trên
2. Tạo bảng classes với các mô tả trên
3. Bổ sung thêm cột classId vào bảng students
4. Thêm classId làm khóa ngoại của bảng students
5. Thêm 5 lớp học vào bảng classes
6. Thêm 10 sinh viên vào bảng students
7. Hiển thị tất cả học viên có trong bảng students
8. Hiển thị tất cả học viên nam
9. Hiển thị tất cả học viên có tuổi nhỏ hơn 20
10. Hiển thị tất cả học viên có quê ở Hà Nội hoặc Đà Nẵng hoặc Hồ Chí Minh
11. Hiển thị tất cả học viên không quê ở Hà Nội
12. Hiển thị học viên có tên bắt đầu bằng chữ H.
13. Hiển thị học viên có tên là Anh
14. Hiển thị danh sách học viên